

Food

** What do you eat in the morning ? >> In the morning, I eat ...	** I like ... / I love ... / I prefer ... >> I <u>prefer</u> coffee. >> I <u>prefer</u> coffee to milktea. >> I <u>prefer</u> <u>drinking</u> black coffee without sugar to <u>drinking</u> milk tea.
** Do you <u>drink much water</u> ? >> Yes, I ... × No, I don't ...	
** Do you <u>eat lots of vegetables</u> ? >> Yes, I ... × No, I don't ...	
** Do you like (eating / drinking) ... ? >> Yes, I ... × No, I don't ...	
** How does it taste ? >> It's ...	

yogurt sữa chua	in the morning vào buổi sáng	cay hot spicy ngọt sweet sugary nhạt bland tasteless chua sour tart mặn salty savory đậm rich flavorful	
cheese phô mai	in the afternoon vào buổi trưa / chiều		
butter bơ	in the evening vào buổi tối		
tofu đậu hũ	at night đêm		
chocolate sô cô la	at midnight 12:00 khuya		
noodles mì	at noon = midday 12:00 trưa		
pasta mì ống	grains of rice hạt gạo	pistachio hạt dẻ cười	sunflowers seeds hạt hướng dương
spaghetti mì Ý	grains of wheat hạt lúa mì	almonds hạt hạnh nhân	pecans hạt hồ đào
ice cream kem	grains of oat hạt yến mạch	chestnuts hạt dẻ	walnuts hạt óc chó
sandwich bánh mì kẹp	chia seeds hạt chia	hazelnuts hạt phỉ	pine nuts hạt thông
nuts hạt (khô)	fruit trái cây	macadamia hạt mắc ca	pumpkin seeds hạt bí
vegetables rau củ	flour bột	peanuts hạt đậu phộng	cashews hạt điều